

# TRÁCH NHIỆM XÃ HỘI CỦA TRÍ THỨC NHO GIÁO VIỆT NAM XƯA

PGS, TS PHẠM VĂN ĐỨC

TS NGUYỄN TÀI ĐÔNG

Viện Triết học,

Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam

Nho giáo trước hết là một hệ thống triết học đạo đức và triết học chính trị - xã hội. Lý tưởng của Nho giáo là kinh bang tế thế, xây dựng quốc gia giàu mạnh, mang lại hạnh phúc cho nhân sinh. Lý tưởng này được thể hiện qua mối quan hệ giữa hai khái niệm, cũng là hai con đường cơ bản của Nho giáo là “Nội thánh” và “Ngoại vương”: giải quyết mối quan hệ giữa đạo đức và chính trị, giữa chiều hướng nội và chiều hướng ngoại, giữa lý tưởng và hoạt động thực tiễn. Mạnh Tử trong thiên “Tận tâm thượng” có nói: “Cùng tắc độc thiên kỳ thân, đạt tắc kiêm thiên hạ” (Khi chưa gặp thời thì làm điều tốt cho riêng mình, lúc hiển đạt thì làm thiện khắp thiên hạ). Nguyễn Công Trứ, một nhà nho lỗi lạc của Việt Nam đã bộc lộ ý chí từ thừa hàn vi của ông: “Làm trai đứng ở trong trời đất. Phải có danh gì với núi sông”. Công danh sự nghiệp ở đây chính là công danh sự nghiệp tiêu biểu của một nhà nho. Ông từng thốt lên hai câu thơ: “Nhập thế cục, bất khả vô công nghiệp. Xuất mẫu hoài, tiên thị hữu quân thân” (Đi vào cuộc đời, không thể không có công danh sự nghiệp. Lọt lòng mẹ ra, đã có vua và cha rồi). Nội thánh ngoại vương vừa chú trọng đến tu dưỡng bên trong, tự hoàn thiện nhân cách cũng như đời sống tinh thần của bản thân, vừa không ngừng nhân mạnh đến mục tiêu lý tưởng “trị nước giúp đời” hay “trị đời giúp dân”.

Trong Nho giáo, yếu tố định mệnh nhiều khi được nhắc đến như là một luật của tự nhiên. Bản thân Khổng Tử nhắc nhiều đến khái niệm “mệnh” mang ý nghĩa của “thiên mệnh”. Khổng Tử nói: “Quân tử hữu tam úy: úy thiên mệnh, úy đại nhân, úy thánh nhân chi ngôn” (Quân tử có ba điều sợ: sợ mệnh trời, sợ đại nhân và sợ lời nói của thánh nhân). Trong Luận ngữ có câu: “Tử sinh hữu mệnh, phú quý tại thiên” (Sống và chết là do số mệnh, còn giàu sang là bởi ông trời. *Luận ngữ. Nhan Uyên*) Đây cũng là tư tưởng của “Trung Dung”: *Tận nhân sự nhi thính thiên mệnh* (Làm hết sức mình, nhưng thành bại còn phải do mệnh trời). Song trong tư tưởng của ông, con người vẫn phải chịu trách nhiệm với tất cả các hành vi của mình. Trách nhiệm ở đây được hiểu theo nghĩa trách nhiệm đạo đức. Trách nhiệm không còn là một hành vi để khen hay chê, để ca ngợi hay đổ lỗi, vì nó không phải là một sự ép buộc từ bên ngoài. Trách nhiệm đạo đức, theo quan điểm Nho giáo, là tiên thiên và nội tại; nó tồn tại ngay khi con người sinh ra, trong bản thân con người, chứ không phải là cái được sinh ra trong hoạt động thực tiễn của con người.

Nếu như Khổng Tử ca ngợi văn hóa nhà Chu, ông tự coi mình là sứ giả, gánh vác trách nhiệm truyền cái văn hóa nhà Chu ấy lại cho các thế hệ sau, thì nhiều nhà nho Việt Nam cũng có ý thức trách nhiệm như vậy đối với văn hóa Việt. Nguyễn Trãi khẳng định: “Duy ngã Đại Việt chi quốc, Thực vi văn hiến chi bang” (Như nước Đại Việt ta, Thực là nước văn hiến - *Bình Ngô đại cáo*). Một trong những nội dung quan trọng nhất của văn hiến theo cách hiểu của Nguyễn Trãi chính là tình người, là lòng tốt, là sự yêu thương giữa con người với con người, là “truyền thống tình nghĩa, tương thân tương ái, truyền thống nhiều điều phù lầy giá gương” của dân tộc. Truyền thống này, giá trị này được thể hiện qua khái niệm “nhân nghĩa” của Nho giáo. Ông nói: “Phàm mưu đồ việc lớn phải lấy nhân nghĩa làm gốc, làm nên công lớn phải lấy nhân nghĩa làm đầu. Chỉ có nhân nghĩa kiêm toàn thì công việc mới trôi chảy được” (*Trả lời tướng giặc Phương Chính*). Điều này là nhất quán trong nhiều tác phẩm của ông: “Nhân nghĩa chi cử yếu tại an dân” (Việc nhân nghĩa cốt ở yên dân), “Dĩ đại nghĩa nhi thắng hung tàn, dĩ chí nhân nhi định cường bạo” (Lấy đại nghĩa để thắng hung tàn, lấy chí nhân làm thay đổi cường bạo - *Bình Ngô đại cáo*). Nói như Đào Duy Anh, Nguyễn Trãi là “*một nhà nho hoàn toàn, một nhà nho tiêu biểu của thời đại*”, ông biết cách thể hiện tư tưởng dân tộc mà mình là một đại diện thông qua các khái niệm, lý luận, ngôn ngữ của Nho giáo(1). Có thể nói, ông đạt đến đỉnh cao của việc dung hòa giữa sự trung thành về mặt trí tuệ đối với giá trị học thuyết mà ông tin tưởng với sự trung thành về mặt cá nhân đối với truyền thống văn hóa của dân tộc. Tấm lòng với nước, với dân của ông lúc nào cũng trọn vẹn: “Bui một tác lòng ưu ái cũ, Đem ngày cuộn cuộn nước triều dâng” (*Thuật húng - 5*). Nhìn chung, các kẻ sĩ Việt Nam luôn có tinh thần “tiên thiên hạ chi ưu nhi ưu, hậu thiên hạ chi lạc chi lạc” (lo trước nỗi lo của thiên hạ, vui sau niềm vui của thiên hạ). Như câu đối trong Văn Miếu:

“Sĩ phu báo đáp vị hà tại, triều đình tạo tựu chi ân, quốc gia sùng thượng chi ý.

Thế đạo duy trì nhi thị thử, lễ nhạc y quan sở tụy, thanh danh văn vật sở đồ”

(Bậc sĩ phu phải báo đáp như thế nào đây với ơn đào tạo, sử dụng của triều đình, với ý sùng thượng của nhà nước?

Thế đạo duy trì như thế, nơi tập trung của lễ nhạc áo mũ, nơi đô hội của thanh danh văn vật)(2).

Các đại nho Việt Nam luôn gắn sinh mệnh của mình với vận mệnh của dân tộc. Trách nhiệm đối với đất nước nhiều khi chiến thắng cả sự sợ hãi tột cùng của con người trước cái chết. Vì dân vì nước, họ sẵn sàng đương đầu với những hiểm nguy to lớn nhất. Đời Trần Dụ Tông, Chu Văn An dâng “Thất trăm sớ” xin chém bảy viên nịnh thần. Cuối đời Trần đầu đời Hồ, Đặng Dung vẫn mài gươm thề trả thù giặc xâm lược: “Quốc thù vị báo đầu tiên bạch, Kỷ độ Long tuyền đới nguyệt ma” (Thù nước chưa đền đầu vội bạch, Đồi phen dưới nguyệt mài gươm thiêng). Tương tự như Chu Văn An, ở đời nhà Mạc, Nguyễn Bình Khiêm dũng cảm dâng sớ trị tội 18 tên lộng thần. Tuy Nguyễn Bình Khiêm về quê trí sĩ do không được vua chấp thuận bản tấu,

song ông vẫn cáng đáng công việc mỗi khi đất nước cần. Chính vì vậy mà Vũ Khâm Lâm, tác giả “Đại Việt sử loại tiếp lục” đã viết: “Tuy ông ở nhà 44 năm mà lòng không ngày nào quên đời, lòng ưu thời mẫn thế vẫn lộ trong thơ”(3). Trong tư tưởng của Nguyễn Bình Khiêm, đạo đức là trên hết, người có đạo đức là người vô địch: “Cổ lai nhân giả tư vô địch, Hà tất khu khu sự chiến tranh” (Từ xưa đến nay người có nhân không ai địch nổi, Việc gì phải khư khư theo đuổi chiến tranh - *Cảm hứng thi III*).

Nho giáo Việt Nam, với tư cách là một ý thức hệ, một hệ thống triết học đạo đức, triết học chính trị - xã hội chiếm địa vị quan trọng trong sự phát triển của đất nước, dù muốn hay không, nó cũng phải chịu trách nhiệm với cả dân tộc trước những thành công và thất bại của Việt Nam trong lịch sử. Cuối thế kỷ XIX, đầu thế kỷ XX, trước sự xâm lược của quân sự và văn hóa phương Tây, văn hóa Việt Nam nói chung và hệ tư tưởng Nho giáo nói riêng bị lay động từ gốc rễ. Vấn đề trách nhiệm của Nho giáo Việt Nam trước dân tộc, hay nói cách khác là sứ mệnh lịch sử của Nho giáo Việt Nam được đặt ra hết sức gay gắt. Không chỉ các nhà Tân học phê phán Nho giáo, mà bản thân các nhà nho cũng phản tỉnh lại hệ tư tưởng của mình. Phan Bội Châu là một nhà nho điển hình trong thời kỳ này.

Năm 1925, Phan Bội Châu bị thực dân Pháp bắt cóc tại Thượng Hải và đem về nước xét xử, trước tòa án, ông vẫn hiên ngang bất khuất:

"Sống không trừ được mối lo thiên hạ, chết không rửa được thù ý trung. Mối giận dằng dai, sông Cả, núi Hồng muôn thuở đó.

Hý cuộc trước đã sắp đến tàn, vũ đài sau chính đáng sắp dựng. Thúc người sôi sục, gió Âu, mưa Á, tám phương dồn".

(Nguyên văn chữ Hán. Tôn Quang Phiệt dịch)(4)

Trong cuốn sách “Tân Việt Nam”(5), Phan Bội Châu đã xuất phát từ tình hình đất nước, từ lý thuyết Nho giáo, đúc rút kinh nghiệm cuộc đời hoạt động của mình để nêu lên nhiều vấn đề về trách nhiệm xã hội. Ông nêu lên yêu cầu bắt buộc phải có ý thức về cái chung, về cộng đồng: “Dựng công lao lại cho núi sông mà bảo lấy tâm lực của một vài người làm để làm, quyết không thể nào làm được! Chi bằng hãy kết đoàn thể, liên tính tình, tập trung mưu kế, hợp tiền của, vứt bỏ hết lòng ghen ghét nhau, cùng nhau một đường sống chết. Lấy của cải của nghìn vạn người làm của chung, lấy sức của ngàn vạn người làm sức chung, áo tôi anh mặc, cơm tôi anh ăn, anh đau ốm tôi mang thuốc cho anh uống, nhà anh tối lấy đèn tôi mà thấp sáng, ngàn vạn người chung vai mà gánh vác, nặng mấy cũng mang nổi. Ngàn vạn người chung tay mà đỡ, yếu mấy cũng vực lên được. Người nước ta ai ai cũng thành thực cùng thương yêu nhau, tin nhau như thế thì trong mắt ta còn thấy có người Pháp nữa hay không?” Bên cạnh ý thức về cộng đồng thì người Việt Nam phải có nghĩa vụ, trách nhiệm với đất nước của mình: “Nước là nước ta, ta chỉ có biết có nước mà thôi. Mọi người ai ai cũng có tư tưởng hết lòng lo lắng, người nào cũng phải đem hết nghĩa vụ của mình ra đóng góp cho đất nước. Nếu anh đau ốm thì tôi thấy lo lắng buồn

thương như cùng chung cái đau của một cơ thể, người kia cùng đi trên một con đường vất vả, há đâu phải hai con đường mà tính toán suy bì? Rồi sau đó sẽ tập hợp liên kết đông đảo tới đa con em ta lại để cùng tranh giành với một nhóm tối thiểu người Pháp, người Pháp liệu có may mắn thoát chết được không”. Và cuối cùng, phải có trách nhiệm với lịch sử, có nghĩa không chỉ là cái nhìn ngắn hạn, mà là cái nhìn cho tương lai, chịu trách nhiệm với thiên thu vạn đại: “Cơ bản mà nói thì danh một ngày với danh muôn đời, danh nào hơn? Có cái lợi riêng của mình với cái lợi của cả nước thì lợi nào lớn hơn? Chọn lấy cái danh hay thì dù muôn chết cũng chẳng từ; vứt đi nghìn vàng cũng không tiếc để cầu cho được cái danh dự cũng cứ phải mua, đó mới là làm theo cái danh thực. Chọn được cái lợi lớn thì dù cái quyền lợi của nước phải lấy sắt và máu để giành lại, vẫn mình phải lấy thân mình, nhà mình ra mua để cầu cho được cái lợi ích cũng cứ phải hợp lại, đó mới là làm theo cái lợi ích chân chính vậy. Người nước ta đều có hy vọng về danh dự và lợi ích thì nước Việt Nam ta lại không giàu không cường thịnh được sao?”.

Phan Chu Trinh - một trí thức tiêu biểu vốn xuất thân Nho học, sau khi tiếp thu tư tưởng tiến bộ phương Tây đã đưa ra cách nhìn nhận, mà với cách nhìn của chúng ta ngày nay là có thể giải quyết được những vấn nạn mà Phan Bội Châu chỉ ra. Trong bài diễn thuyết “Đạo đức và luân lý Đông Tây” nổi tiếng của mình tại nhà hội Việt Nam ở Sài Gòn vào tối 19-11-1925(6), Phan Chu Trinh đã lý giải hiện tượng vì sao dân không có trách nhiệm đối với đất nước do ý thức hệ trung quân của Nho giáo: “Quốc gia luân lý của ta từ xưa đến nay chỉ gồm có thế, cho nên dân trong nước không biết quyền dân là gì, nghĩa vụ là gì. Vua của ta ngày xưa là thế, tôi của ta ngày xưa là thế, sử sách của ta gọi nước là thế! Cho nên dân không biết vua và nước có cái giới hạn gì khác nhau không. Vì thế cho nên dân chỉ biết tôn quân mà không biết nghĩa ái quốc, gặp vua tử tế làm nhiều công bình thì dân thương, dân liều chết ra đánh giặc giúp vua; gặp vua tàn bạo làm nhiều điều độc ác thì dân ghét, muốn rửa hờn mở cửa thành cho giặc vào. Thí dụ như hồi nước Pháp đánh Bắc Kỳ chỉ có 90 tên lính mà trong 24 giờ thì hạ được bốn thành, mà lính Nam không ai bắn trả lại một phát súng. Xem như thế thì xưa nay nước ta không có quốc gia luân lý, chỉ có một cái luật vua tôi bắt buộc dân phải theo. Vua với dân không có luân lý gì dính nhau, chẳng qua vua và tôi tớ của vua hiệp nhau lấy sức mạnh để đè nén dân mà thôi vậy”.

Vì sao dân không có nghĩa vụ với đất nước? Vì quốc gia không có luân lý. Vì sao quốc gia không có luân lý, vì dân không có quyền. Vì sao dân không có quyền, vì chế độ chuyên chế, đối nghịch vua với dân. Ông còn nói: “Không phải cái độc chuyên chế từ xưa đã thâm căn cố đế trong óc người nước ta rồi đây ư? Tiếng thương nước đã có luật Gia Long cấm. Những kẻ học trò và dân gian không được nói đến việc nước, lo việc nước... Thương nước thì phải tù tội (!) cho nên những nhà thế phật giữ mình cho đến nổi uốn nắn con từ trong nhà, lấy sự lo việc đời, sự

thương nước làm sợ. Sợ quá! Hình như nói đến sự đó thì phải bị khinh, bị nhục như kẻ cắp, kẻ trộm vậy”.

Trách nhiệm của người dân ở đây không phải được hiểu theo nghĩa trách nhiệm cá nhân, mà là theo nghĩa trách nhiệm tập thể hay trách nhiệm chung. Chỉ khi có trách nhiệm đạo đức tập thể, có trách nhiệm đạo đức chung thì mới có sự liên kết về đạo đức, mọi người mới sống và hành động vì sự liên kết đạo đức đó và trên cơ sở này mới có thể có đoàn kết xã hội.

Phan Chu Trinh nói tiếp về sự liên kết đạo đức: “Cái chủ nghĩa xã hội bên Âu châu rất thịnh hành như thế, thế mà người bên ta điềm nhiên như kẻ ngủ không biết gì là gì. Thương hại thay! Người nước ta không hiểu cái nghĩa vụ loài người ăn ở với loài người đã đành, đến cái nghĩa vụ mỗi người trong nước cũng chưa hiểu gì cả. Bên Pháp mỗi khi người có quyền thế hoặc chính phủ lấy sức mạnh mà đè nén quyền lợi riêng của một người hay của một hội nào, thì người ta hoặc kêu nài, hoặc chống cự, hoặc thị oai, vận động kỳ cho đến được công bình mới nghe. Vì sao mà người ta làm được như thế? Là vì người ta có đoàn thể, có công đức biết giữ lợi chung vậy”.

Từ góc nhìn ngày nay, chúng ta có thể thấy chủ nghĩa xã hội và Nho giáo có điềm chung ở chỗ cùng nhấn mạnh đến bổn phận, trách nhiệm, nghĩa vụ đối với cái chung, đối với xã hội.

Ý thức về trách nhiệm xã hội của kẻ sĩ đóng vai trò quan trọng trong lịch sử, nhiều khi họ là những người thức tỉnh cả dân tộc. Các nhà nho cũng khái quát tinh thần trách nhiệm với đất nước, với dân tộc của mọi người dân vào một câu nói nổi tiếng: “Thiên hạ hưng vong, thất phu hữu trách”, hay như các nhà nho Việt Nam thường nói - “Quốc gia hưng vong, thất phu hữu trách”. Tinh thần trách nhiệm như vậy thật đáng để trí thức ngày nay học tập□

(1),(3) Xem: *Nho giáo tại Việt Nam*, Viện Triết học chủ biên, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 1994, tr. 24-25, 44.

(2) Trích theo: *Một số vấn đề về Nho giáo Việt Nam*, Nxb Chính trị quốc gia, Hà Nội, 1998, tr.209.

(4) Trích theo: *Nho giáo và văn học Việt Nam trung cận đại*, Nxb Giáo dục, Hà Nội, 1999, tr.277.

(5) *Tân Việt Nam*, Cục lưu trữ Nhà nước, Hà Nội, 1989.

(6) Xem: *Phan Chu Trinh: Một chí sĩ giàu lòng nhiệt huyết (1872-1926)*, Nxb Văn hóa - Thông tin, Hà Nội 1998.